

# CÂU ĐIỀU KIỆN TIẾNG VIỆT VÀ "CÁI CHO SẴN"

**TS LÊ THỊ MINH HÀNG\***

## 1. Đặt vấn đề

Bên cạnh sự phân đoạn câu về mặt ngữ pháp, thường được miêu tả bằng lí thuyết thành phần câu, mấy chục năm gần đây các nhà nghiên cứu đặc biệt chú ý đến sự phân đoạn câu theo quan điểm thông tin thực tại hay quan điểm thông báo. Trong Việt ngữ học, cũng đã có một số tác giả đã áp dụng cách lưỡng phân cũ - mới để xem xét khả năng phân đoạn thực tại của cấu trúc câu tiếng Việt, nhưng nhìn chung việc nghiên cứu cấu trúc thông báo của từng kiểu loại phát ngôn cụ thể vẫn còn sơ lược.

Riêng câu điều kiện, trên thế giới đã có nhiều công trình đề cập dưới góc độ cấu trúc thông báo như các công trình của John Haiman, Eun Ju Noh, Sweetser, Akatsuka... Ở các công trình này, các tác giả tập trung nghiên cứu M1 (mệnh đề hay tiểu cú đứng trước) với tư cách là *cái cho sẵn* trong câu điều kiện.

Bài viết này vận dụng khái niệm "cái cho sẵn" để phân tích và chỉ ra các biểu hiện cụ thể của M1 "cho sẵn" vốn cũng rất phổ biến trong các phát ngôn điều kiện tiếng Việt.

## 2. Thế nào là *cái cho sẵn*?

*Cái cho sẵn* (givenness) là một thuật ngữ được các nhà ngữ học sử dụng khi phân tích câu dưới góc độ thông báo (thường được gọi là phân

tích câu theo quan điểm phân đoạn thực tại hay quan điểm thông báo). Theo V. Mathesius và nhiều nhà ngữ học khác của trường phái Praha, nêu xét câu trong mối quan hệ với thông tin (cái mà người nói định truyền đạt và người nghe muốn tiếp nhận), cấu trúc câu được chia thành hai phần là *đề* (*theme, topic*) và *thuyết* (*rheme, comment*) trong đó *đề* biểu thị thông tin cũ hay *cái cho sẵn*, còn *thuyết* biểu thị thông tin mới hay *cái mới*. Hay nói rõ hơn *cái cho sẵn* là phần thông tin mà cả người nói lẫn người nghe đều biết, đối lập với *cái mới* là phần thông tin người nói có chủ ý muốn truyền đạt, phần thông tin này người nghe chưa biết hoặc hiểu biết của người nói lẫn người nghe không có sự thống nhất. Việc phân biệt *cái cho sẵn* và *cái mới* rất quan trọng trong việc hiểu phát ngôn. Nó nói lên rằng sự hợp tác giữa người nói và người nghe đóng vai trò chủ yếu trong quá trình truyền đạt thông tin.

*Cái cho sẵn* thường có tính chủ quan, phụ thuộc vào nhận định của người đưa ra phát ngôn. Người nói sẽ căn cứ vào vào tình huống cuộc thoại để đoán định rằng sự việc đó đang có mặt trong ý thức của người nghe lúc mình sắp nói hay không. Xét thí dụ sau:

.....

\* Trường ĐH KHXH & NV - ĐHQG  
Tp. HCM.

(1) *Bức tranh này đẹp quá!*

Nếu câu này được phát ra trong tình huống cả người nói lẫn người nghe đều nhìn thấy bức tranh thì cái ý niệm về bức tranh đã có mặt trong ý thức của cả hai người vào thời điểm phát ngôn. *Bức tranh này* vì vậy được xem là *cái cho sẵn*. Thông tin được người nói “bổ sung” *đẹp quá* được gọi là *cái mới*.

Theo Prince [12, 231], có thể chia *cái cho sẵn* làm 2 loại:

(i) *Cái cho sẵn* là cái mà *ngữ cảnh cung cấp* (*contextually given*) hiện diện trong ý thức của người nghe như là một kết quả hiện có trong diễn ngôn (discourse) hay “môi trường” (environment).

(ii) *Cái cho sẵn* là *kiến thức chia sẻ* (*shared knowledge*) là cái mà người nói cho rằng người nghe “biết”, cho rằng người nghe có thể suy ra một điều cụ thể mà không nhất thiết phải nghĩ về nó.

Ngoài định nghĩa về *cái cho sẵn* của Prince như trên còn có những định nghĩa tương tự về *cái cho sẵn* của Chafe, Kuno, Halliday,...

Theo Chafe [3, 32], một danh ngữ được gọi là *cái cho sẵn* nếu sở chỉ của chúng được đưa ra một cách hiển ngôn, chính xác trong diễn ngôn hoặc trong ngữ cảnh vật chất (physical context), hoặc có thể được phạm trú hóa theo cách như là sở chỉ có mặt trước đó hoặc sự hiện diện vật chất.

Còn Kuno thì cho rằng một danh ngữ được gọi là *cái cho sẵn* nếu sở

chỉ của nó được đề cập trong diễn ngôn trước đó hoặc là cái đang thường trú (the permanent registry) [10, 270]. Thuật ngữ “thường trú” này tương đương với cái gọi là “sự thừa nhận của người nghe trong sự chia sẻ kiến thức” của Prince [12, 231].

Khi bàn về cái cho sẵn thường người ta chỉ nói đến “given NP” (danh ngữ cho sẵn) nhưng thật ra một đơn vị thông tin không hề tương ứng chính xác với một đơn vị nào trong ngữ pháp cú. Hay nói theo Halliday, một đơn vị thông tin được thiết lập như một thành tố có tư cách riêng của nó. Đơn vị thông tin là cái mà nó hàm chỉ: một đơn vị thông tin. Trong nét nghĩa kĩ thuật này, thông tin là độ căng (tension) giữa cái đã được biết hay có thể dự đoán được và cái chưa được biết (mới) và không thể dự đoán được. Nó là sự tác động lẫn nhau giữa cũ và mới để tạo thông tin theo nghĩa ngôn ngữ học [9, 472].

Trong các công trình nghiên cứu câu điều kiện dưới góc độ thông báo, các nhà nghiên cứu xem cái cho sẵn trong câu điều kiện là cả các (tiểu) cú hay mệnh đề (clause). Haiman đã dùng thuật ngữ “given clause” [8, 568-589], còn Eun Ju Noh thì dùng “given antecedent” [6] để chỉ các cú điều kiện cho sẵn.

Trong *From Etymology to Pragmatics*, Sweetser xác định rõ phạm vi những câu điều kiện có M1 “cho sẵn” là những *câu điều kiện nhận thức* hoặc *câu điều kiện hành động ngôn từ*.<sup>1</sup> Bà cho rằng câu điều kiện “cho sẵn” (given conditional) là loại

câu điều kiện được dùng rất phổ biến, nó biểu hiện cách suy luận từ một niềm tin đã được chia sẻ giữa người nói và người nghe đến một niềm tin khác, chưa được chia sẻ:

(2a) *Ó (nếu như anh nói) nó đã ăn lasagne buổi trưa, nó sẽ không thích món spaghetti cho buổi tối đầu.*

(2b) *Nếu (như họ nói) họ đang tìm một căn hộ thì họ dự định làm đám cưới lâu rồi.*

(2c). *Nếu anh thông minh (như anh nghĩ), Charlemagne đăng quang ngày nào?*

Sweetser cho rằng các M1 nó đã ăn lasagne buổi trưa/ họ đang tìm một căn hộ/ anh thông minh đều là M1 cho sẵn. Ở (2a) và (2b), thông tin ở M1 là thông tin mà người nói nhận được từ người đối thoại hoặc một người thứ ba, còn ở (2c) nó là cái mà người nói nắm bắt được từ thái độ của người nghe.

### 3. Cái cho sẵn trong câu điều kiện tiếng Việt

Nhìn chung, trong một phát ngôn thông thường, người nói thường có xu hướng chọn cái cho sẵn làm xuất phát điểm cho nhận định và đặt phần có giá trị thông báo thực sự (cái mới) ra sau. Điều này cũng đúng với (nhiều) câu điều kiện: trật tự cái cho sẵn - cái mới của cấu trúc thông báo cũng trùng với trật tự thông thường điều kiện - kết quả của cấu trúc điều kiện nói chung. Vì vậy khi xét M1 cho sẵn chúng tôi chủ yếu chỉ xét những M1 ở vị trí đầu câu.

#### 3.1. Cái cho sẵn bởi ngữ cảnh

Có thể phân chia cái cho sẵn bởi ngữ cảnh thành hai loại: cái cho sẵn bởi ngữ cảnh ngôn từ và cái cho sẵn bởi ngữ cảnh phi ngôn từ.

##### 2.1.1. Cái cho sẵn trong ngữ cảnh ngôn từ

a) *M1 cho sẵn do lặp lại phát ngôn trước*

M1 được xem là cái cho sẵn do việc người nói dẫn lại phát ngôn trước là cái cho sẵn để nhận diện nhất. Ta thường gặp các tiêu cú điều kiện có đặc điểm như thế trong hội thoại hằng ngày.

(3) *A: Làm ơn cho tôi gặp cô Lan.*

*B: Cô ấy đang ngủ. Để tôi vào đánh thức cô ấy.*

*A: Thôi, đừng. Nếu cô ấy đang ngủ thì hôm khác tôi sẽ ghé.*

M1 là cái cho sẵn bởi ngữ cảnh ngôn từ được hình thành theo một quá trình sau: người tham thoại (người nói) đưa ra một thông báo, sau đó người tham thoại thứ hai (người nghe) dùng chính thông báo đó làm điều kiện cho nhận định chủ quan của mình ở M2.

(4) *A: Tôi nghe cô ấy gọi mẹ mình là mẹ chứ không phải là mẹ.*

*B: Nếu cô ấy gọi mẹ mình là mẹ thì cô ấy là người Huế.*

Đối với các M1 cho sẵn do dẫn lại phát ngôn của người đối thoại, tính cho sẵn có thể được hiện ngôn bằng các ngữ đoạn bổ sung như *nếu anh nói, theo lời anh, quả là...*

(5a) *Nếu như cô nói cô ấy đang ngủ thì hôm khác tôi sẽ ghé.*

(5b) *Nếu quả là cậu cần đến thế thì đi theo tôi, tôi có thể giúp cậu.*

Cũng có khi giữa M1 (cái lặp) và phát ngôn đi liền trước nó (cái được lặp) có các phát ngôn khác chêm xen, khi đó M1 vẫn là cái cho sẵn, vì khi người nói lặp lại phát ngôn được người nghe đưa ra trước đó thì thông tin ấy hẳn không phải là mới đối với người nghe: người nói xử lí nó như là một thông tin cũ vì tin rằng điều này vẫn còn lưu giữ trong trí nhớ của người nghe.

(6) *Vợ: Em muốn đi thăm một người bạn ốm một chút.*

*Chồng: Anh cùng đi với em có được không?*

*Vợ: Em muốn đi một mình.*

*Chồng: Thế thì anh sẽ chờ em đến đó rồi hẹn giờ anh đến đón.*

*Vợ: Không cần thế đâu. Em tự đi được.*

*Chồng: Nếu em muốn đi một mình thì thôi vậy*

(Nguyễn Thị Ngọc Tú, *Buổi chiều tỏa hương*)

Cũng có khi M1 không dẫn lại phát ngôn của người đối thoại mà dẫn lại phát ngôn của người thứ ba nào đó:

(7) *Nghe nhiều người nói ông ta là một bậc chân tu. Nếu đúng ông ta là một bậc chân tu thì chuyện đời không liên can gì đến ông.*

M1 cho sẵn thường là lời dẫn có cái biên ít nhiều, ít khi lặp lại 100% phát ngôn trước. Có nhiều lời dẫn được biên soạn lại theo góc nhìn của người nói, trước hết là các yếu tố quy chiếu trực chỉ (khả năng lặp hoàn toàn như vừa trình bày thường chỉ thích hợp ở những phát ngôn ngắn). Tất nhiên việc biên soạn của người nói không làm sai lệch nội dung mệnh đề của phát ngôn trước và vì vậy đó vẫn là cái cho sẵn. Ở thí dụ sau đây, người nói thêm vào các yếu tố tình thái:

(8) *Chồng: Nhiều chuyện báo không nói.*

*Vợ: Báo đã không nói thì biết làm gì cho rách việc.*

(Nguyễn Thị Ngọc Tú, *Buổi chiều tỏa hương*)

(9) *Vợ: Tôi mập như thế này ông có chê tôi không?*

*Chồng: Nếu tự dung bà mập ú lên thế này thì tôi chán thật.*

(Nguyễn Thị Ngọc Tú, *Buổi chiều tỏa hương*)

Ngoài việc thêm bớt một vài yếu tố từ vựng, lời dẫn (M1 cho sẵn) cũng thường là các hình thức đẳng nghĩa (paraphrase) của phát ngôn gốc chứ không lặp lại nguyên văn cái mà nó quy chiếu. (Có lẽ cách dẫn có sự “biên soạn lại” để tạo M1 cho sẵn này phổ biến hơn là cách lặp nguyên văn, vì tự nhiên hơn).

Trong thí dụ dưới đây, ở M1 cho sẵn đánh nó diễn dịch từ cho nó vài cái tát.

(10) - *Còn thằng Sài phải cho nó vài cái tát.*

- *Vâng.*

- *Nhưng có đánh nó thì cũng phải cho kín kẻo người ta lại bảo cán bộ không gương mẫu.*

(Lê Lựu, *Thời xa vắng*)

Ngữ cảnh ngôn từ cung cấp cái cho sẵn cho M1 không chỉ là khẩu ngữ mà còn có thể là các dấu hiệu hình ảnh, chữ viết, chẳng hạn những câu trích dẫn từ một bài báo hoặc từ các bảng yết thị, thông báo.

A đọc bảng thông báo ở sân bay: "Tất cả các chuyến bay chiều nay sẽ bị hoãn lại đến sáng ngày mai"; A nói với người đứng cạnh - cũng đang đọc thông báo:

(11) *Nếu tất cả chuyến bay đều bị hoãn lại thì chắc chắn là do thời tiết.*

Trong thí dụ trên, ngữ cảnh ngôn từ chính là câu thông báo mà cả hai người nói và người nghe được cung cấp từ bảng thông báo.

b) *M1 cho sẵn do sự liên tưởng tạo ra từ phát ngôn trước*

M1 cho sẵn hình thành do quá trình suy ý hoặc do những liên tưởng gợi ra từ các yếu tố đã được đề cập trong phát ngôn trước đó:

(11) *Đảng nào cũng phải tìm cách cho thằng Sài thoát li. Nếu được đi bộ đội người ta rèn cho thì yên tâm hơn.*

(Lê Lựu, *Thời xa vắng*)

(12) *Chết cái mình không có vốn kia. Giá có dăm ba trăm thì buôn bán*

*xì xăng, chẳng gì cũng kiếm được đủ chi các món lật vặt hằng ngày vậy.*

(Lan Khai, *Văn xuôi lãng mạn Việt Nam*)

Trong khi nghiên cứu cái cho sẵn trong câu điều kiện tiếng Anh, D. Schiffrin cho rằng cái cho sẵn có thể từ sự suy ý do các phát ngôn đi trước gợi lên, bà đã đưa ra dẫn chứng sau:

(13) *Trước chiến tranh hầu hết các phụ nữ đều ở nhà. Khi những đứa con đi học về thì bà mẹ đã chờ chúng sẵn ở cửa. Nhưng đến khi đất nước có chiến tranh, người phụ nữ phải đi làm và khi cha mẹ đi làm thì những đứa con chạy chơi quanh đó.*

(14) (a) *Nếu bạn có đứa con 15, 16 tuổi mà mẹ của nó đi làm và (b) nếu chúng có bạn trai chúng đi chơi với nhau và chúng sẽ sinh ra những đứa con từ khi còn rất trẻ.* [5,181].

Schiffrin lập luận rằng mặc dù sự thể trong (14) (a) *nếu bạn có đứa con 15, 16 tuổi* được biểu thị theo cách dẫn nhập thông tin mới (không có sự lặp lại đúng câu chữ của phát ngôn trước) nhưng chúng ta có thể suy ra từ *những đứa con* ở phát ngôn trước đó, bởi vì người nói đang nói về chúng. Câu (14) (b) *nó có bạn trai* có thể suy ra từ *những đứa con chạy chơi quanh đó* của phát ngôn trước. Bà cho rằng tất cả thông tin trong cả hai M1 (a) và (b) đều là cái cho sẵn bởi vì nó có thể suy ra từ ngữ cảnh ngôn từ trước đó.

Cũng có trường hợp phát ngôn đi trước được thay thế hoàn toàn bằng các từ hay ngữ đoạn hỏi chỉ vậy, thế, như vậy, như thế ở M1. Đây rõ ràng

là bằng chứng hiển nhiên của cái cho sẵn của M1 vì tính cho sẵn này có thể được trực tiếp nhận biết mà không cần phải suy ý hay truy nguyên ngữ huống.

(15) ...trong bụng người ta toàn cút. Mẹ tao báo thế. Nếu thế thì kinh quá nhỉ.

(Nguyễn Huy Thiệp, *Tuyển tập truyện ngắn*)

(16) Báo cáo anh nếu nghĩ như vậy, với hàm thiếu úy, tôi không thể dạy cho anh Mạnh và anh được nữa.

(Lê Lựu, *Thời xa vắng*)

Ngoài ra, ngữ đoạn *nếu không* đặt ở đầu M1 cũng là dấu hiệu sáng rõ cho cái cho sẵn vì (giống như các chỉ tố *thế, vậy*) sở chỉ của nó chắc chắn đã được cung cấp ở ngữ cảnh trước đó. Một số phân tích về *if not* của tiếng Anh cũng thể hiện tương tự, thậm chí nhiều người cho *if not* là mệnh đề tiêu biểu cho cái cho sẵn vì cái tình lược trong mệnh đề này chắc chắn đã được cung cấp trong ngữ cảnh trước đó; về mặt ngữ pháp có thể xem ở đây có đại từ hỏi chi Ø (zero).

(17) Cũng may tôi về để đi Hà Nội ngày mai, nếu không Ø anh chẳng tìm được tôi ở chỗ nào.

(Lê Lựu, *Thời xa vắng*)

Chúng ta cũng nên lưu ý rằng không phải lời dẫn đúng câu chữ nào cũng là cái cho sẵn mà còn tùy vào nội dung mệnh đề. Thí dụ:

(18) A: *Chị có về lạnh. Chị dùng cái khăn choàng của tôi nhé?*

B: *Không. Cám ơn. Tôi không sao. Nếu tôi lạnh, tôi sẽ hỏi mượn chị. Chị biết tính của tôi mà.*

Trong phát ngôn của mình, A cho rằng B lạnh (*chị có về lạnh*), nhưng M1 trong phát ngôn của B (*tôi lạnh*) không đúng là suy nghĩ của A. Phát ngôn của B có nghĩa là "bất cứ khi nào tôi lạnh chứ không phải là bây giờ tôi lạnh như chị nghĩ".

c) *Cái cho sẵn rút ra từ diễn ngôn*

M1 được xem là cho sẵn không chỉ trong trường hợp trích dẫn mà có thể đó là một kết luận mà người nói rút ra được trong quá trình nói năng. Thí dụ:

Chúng ta hãy nghe những lời đối đáp giữa Tổng Cốc và Hồ Xuân Hương trong truyện ngắn *Chút thoáng Xuân Hương* của Nguyễn Huy Thiệp:

(19) *Tổng Cốc: Tàu lạy quận chúa, quận chúa sẽ đủ tiền đánh cho hết hội.*

*Xuân Hương: Nếu ông định cho ta vay thì ta cũng chẳng có tiền để trả.*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Tuyển tập truyện ngắn*)

Tổng Cốc không hiển ngôn rằng ông sẽ cho Hồ Xuân Hương vay tiền nhưng câu *quận chúa sẽ đủ tiền đánh cho hết hội* đủ để Xuân Hương kết luận rằng ông ta có ý định cho mình vay tiền và lập tức dùng nó làm điều kiện: *Nếu ông định cho ta vay*. Điều kiện này rõ ràng không thể xem là thông tin mới đối với Tổng Cốc.

(20) *Phụ nữ: Nếu tôi biết như thế này không bao giờ tôi ra đây.*

Đàn ông: *Anh nghĩ là, nếu như em muốn, ngày mai em lại vào Sài Gòn vẫn cứ được. Cứ coi như là do gian dối mà em bỏ đi. Còn chuyện chúng ta sẽ giải quyết sau.*

Phụ nữ: *Thôi được, nếu anh sợ trách nhiệm, tôi sẽ lấy chồng ở ngay chính thành phố này.*

(Nguyễn Thị Ngọc Tú, *Buổi chiều tỏa hương*)

Câu *Nếu anh sợ trách nhiệm, tôi sẽ lấy chồng ở ngay chính thành phố này* không được xem là cái mới. Toàn bộ thái độ và những lời thoại của người đàn ông đã cho thấy hàm ý: không muốn lấy cô ấy, bảo cô ấy vào lại Sài Gòn và đã khiến cho người phụ nữ rút ra kết luận như vậy.

2.1.2. M1 cho sẵn trong ngữ cảnh phi ngôn từ

Ở trên chúng tôi đã phân tích M1 cho sẵn từ ngữ cảnh ngôn từ, có thể lặp lại hoàn toàn phát ngôn trước, cái biên hoặc rút ra từ điển ngôn. Ở đây chúng tôi sẽ phân tích các M1 cho sẵn từ ngữ cảnh phi ngôn từ

Theo Chafe, người nói và người nghe có thể chia sẻ cùng một kiến thức trong ngữ cảnh phi ngôn từ hay ngữ cảnh ngoài ngôn ngữ (extralinguistic). Ngữ cảnh đó được người nói nhận thức thông qua những sự việc mà cả hai cùng chứng kiến.

(21) *(Nói với người bạn đang ăn thịt bò (người này thường ngày vẫn nói là mình ăn chay)) Nếu anh ăn thịt bò thì anh đâu có ăn chay.*

(22) *(Trong siêu thị, một người chỉ vào cái tivi và nói với người bạn cùng đi) Nếu tivi rõ nét thế này thì chắc kĩ thuật cao lắm!*

M1 cho sẵn ở đây là những “hình ảnh” đập vào mắt người nói lẫn người nghe và tri giác của họ có thể ghi nhận những thông tin đó. Vì vậy *anh ăn thịt bò* và *ti vi rõ nét* được xử lí như là thông tin cũ hay là cái cho sẵn.

Cái cho sẵn còn là cái được nhận thức từ điệu bộ cử chỉ của chính người đối diện, hoặc một người khác, chứ không phải là ngôn từ. Nó được gọi là cái cho sẵn khi người nghe giải mã đúng điều mà người đối diện muốn truyền đạt

(23) *(Người mẹ xoa tay báo con về)*

Đưa con: *Nếu bây giờ con về thì ai chăm nom mẹ!*

Qua cử chỉ xoa tay của người mẹ, đưa con nhận biết mẹ báo mình đi về. Nó đã giải mã đúng cái mà người mẹ muốn truyền cho nó. Vì vậy *nếu bây giờ con về* được xử lí như cái cho sẵn trong ngữ cảnh phi ngôn từ.

3.2. Cái cho sẵn là kiến thức chia sẻ

Theo định nghĩa về sự chia sẻ kiến thức của Prince “người nói cho rằng người nghe “biết”, cho rằng người nghe có thể suy ra những điều có tính chất phổ biến mà không cần phải suy nghĩ về nó” [12, 223-225], có thể suy ra rằng một trong những kiến thức được chia sẻ ấy là kiến thức nền (background knowledge), tức là những điều có tính chất phổ thông hoặc kiến thức bách khoa mà ai cũng biết.

Lập luận của Fauconier [7] về không gian tinh thần điều kiện cũng có nhiều điểm tương tự. Theo ông, việc xây dựng không gian tinh thần điều kiện liên quan đến việc tạo ra những cấu trúc tinh thần trên cơ sở những khái niệm về nhận thức, văn hóa, ngữ cảnh, tri thức đã có sẵn đối với những người tham gia hội thoại, đối với mục đích đã được biết trước đó của cuộc trao đổi.

(24) (Giáo viên nói với học sinh)  
Nếu  $2+2$  là 4 thì 2 là một số chẵn.

$2+2=4$  không phải là thông tin mới mặc dù nó chưa được nói đến trong phát ngôn trước. Đó là vì kiến thức  $2+2=4$  thuộc loại kiến thức nền, là cái đương nhiên được chia sẻ giữa những người tham gia hội thoại. Theo Kuno, kiến thức đó thường trú trong đầu óc của mỗi người. Khi nói với các em học sinh câu trên, giáo viên đã sử dụng kiến thức chung vốn có giữa mình và học sinh. Điều đó triệt tiêu khả năng “sai” của kết luận nằm ở M2. M1 được sử dụng như một cơ sở lập luận để dẫn đến cái đúng của M2.

Tương tự như vậy, trên cơ sở niềm tin về kiến thức chung có ở tất cả những người tham gia hội thoại, một luật sư có thể (dùng nó để) khẳng định tính đúng đắn của một kết luận.

(25) Nếu 2 cộng 2 là 4, thân chủ của tôi vô tội.

Cái kiến thức được chia sẻ như trên có khi là sự hiểu ngầm của những người tham gia hội thoại về tâm tư tình cảm của nhau:

(26) Cháu Sinh à, tao đã thấy mày đưa ngựa với người của chính phủ. Theo tao đi. Mày là ma rừng thì phải đi đường hẻm. Mày muốn con Muốn thì hãy nghe tao.

(Nguyễn Huy Thiệp, *Tuyển tập truyện ngắn*)

Nhân vật của phát ngôn trên chắc chắn là biết rõ tâm tư tình cảm của người nghe (rất yêu cô gái tên Muốn). Mày muốn con Muốn không phải là phát ngôn có sẵn trong ngữ cảnh ngôn từ nhưng nó vẫn được người nói xử lí như là cái cho sẵn, đặc biệt khi M2 là một hành động ngôn từ đề nghị.

Trong lí thuyết về cái cho sẵn, M1 cũng còn chứa đựng lịch sử quan hệ của những người tham gia hội thoại. Theo chúng tôi, tiêu biểu cho loại này là những câu giả định phản thực. Trong những câu này, M1 và M2 đều là những sự việc có sẵn, nó hoàn toàn không xa lạ với người nghe. Người nói thiết lập quan hệ hiện thực giữa hai sự tình đã biết thông qua việc nối kết M1 và M2 dưới hình thức điều kiện - kết quả. Chính cái quan hệ được truyền đạt cho người nghe là thông tin mới.

(27) Hôm nay, nếu Thúy không nắm tay nó thì tôi cũng chẳng đánh nó làm gì, chỉ khiêu khích và răn đe là đủ.

(Trang Hạ, *Tình khúc*)

(Người nghe đã nắm tay một người nào đó và người nói đã đánh người đó)

Tóm lại, cái cho sẵn rất dễ được nhận biết trong diễn ngôn nhờ việc



nhận diện các quy chiếu của M1 trong các phát ngôn trước. Các quy chiếu này tồn tại trong ngôn từ (ngữ cảnh ngôn từ) hoặc cũng có thể khó nhận diện hơn vì tồn tại trong các quy ước ngầm của hai người tham gia giao tiếp, bao gồm các kiến thức nền, lịch sử quan hệ giữa người nói và người nghe, kể cả những tồn tại khách quan mà cả hai đều chứng kiến hoặc trải qua (ngữ cảnh phi ngôn từ).

Theo Prince, sự chia sẻ kiến thức vẫn có thể hiện diện trong cả cái cho sẵn bởi ngữ cảnh, trong khi Akatsuka cho rằng có trường hợp M1 là cái cho sẵn bởi ngữ cảnh nhưng nó lại đối lập với kiến thức của người nói. Thí dụ của Akatsuka:

(28) *(Giáo hoàng gọi điện thoại đến tổng đài ở một làng thuộc Thụy Sĩ)*

Giáo hoàng: *Tôi là Giáo hoàng.*

Nhân viên tổng đài: *Nếu ông là Giáo hoàng thì tôi là hoàng đế Trung Quốc!* [1].

Ông là Giáo hoàng trong câu đáp của nhân viên tổng đài là cái cho sẵn, vì nó là thông tin cũ: nó là cái lặp lại hay dẫn lại phát ngôn đi trước nó. Nhưng nội dung mệnh đề trong M1 ông là Giáo hoàng không phải là cái được người nói thừa nhận. Sweetser cũng đồng tình với Akatsuka, bà đưa thí dụ:

(29) *Well, If (as you say) he had lasagne for lunch, he won't want spaghetti for dinner. (Nếu (như anh nói) bữa trưa nó đã ăn món lasagne, nó sẽ không muốn ăn món spaghetti vào buổi tối đâu).*

Theo bà, người nói có thể dẫn lại phát ngôn trước đó, và nó là cái cho sẵn, nhưng không cần phải chia sẻ kiến thức về điều đó vì anh ta hoàn toàn có thể nói thêm "*but I don't believe he had lasagne for lunch*" (nhưng tôi không tin bữa trưa nó đã ăn lasagne).

#### 4. Một số trường hợp M1 không phải là cái cho sẵn

Ở trên chúng ta đã xem xét những mệnh đề điều kiện cho sẵn trong đó bộ phận M1 ít nhiều cũng chứng minh được tính cho sẵn của nó thông qua hai loại ngữ cảnh là ngữ cảnh ngôn từ và phi ngôn từ cũng như sự chia sẻ kiến thức nền giữa những người tham thoại. Qua đó chúng ta thấy trật tự cái cho sẵn (M1) - cái mới (M2) phù hợp với trật tự cú pháp thông thường của tiếng Việt và thói quen sử dụng ngôn ngữ của người Việt: M1 đứng trước M2.

Tuy nhiên vẫn có những trường hợp mà M1 dường như không thỏa các điều kiện về cái cho sẵn tương tự như các phân tích ở trên. Có nghĩa là trong thực tế vẫn tồn tại những M1 là thông tin mới. Xét thí dụ sau:

(30) *(Lời khuyên một người đi học nấu ăn)*

*Đi học nấu ăn có nhiều cái lợi. Vừa có thể kiếm tiền vừa có thể nấu ăn cho gia đình mình. Nếu tay nghề của anh vững anh có thể là bếp trưởng của một khách sạn, còn nếu không thì anh cũng có thể làm phụ bếp.*

M1 *Nếu tay nghề của anh vững rõ ràng là thông tin mới nếu xét theo quan điểm cái cho sẵn ở trên, vì các*

thành phần trong thông tin *tay nghề*, *vững đầu* là thông tin mới, chỉ có *anh* là cái cho sẵn vì nó chỉ người nghe.

Trong đoạn thoại dưới đây, người vợ đề nghị trồng hoa. Người chồng lại cho rằng trồng hoa rất tốn công và đưa ra hai luận cứ để bảo vệ ý kiến của mình. Ở luận cứ thứ hai, người chồng sử dụng cấu trúc điều kiện: *Còn như thuê người làm thì lời lãi phòng có đủ chi công và ăn cho người ta*. Cả câu trên đều là cái mới vì nó không phải là cái có thể được hỏi phục từ phát ngôn trước:

(31) *Vợ: Ý tôi chỉ thích trồng rõ nhiều hoa, vừa được chơi vừa được bán.*

*Chồng: Mình tưởng trồng hoa ít công phu lắm đấy hẳn? Những một cái gánh nước tưới cũng đã khướt rồi. Còn như thuê người làm thì lời lãi phòng có đủ chi công và ăn cho người ta.*

(Lan Khai, *Văn xuôi lãng mạn Việt Nam*)

M1 cũng có thể bao gồm cả cái cũ lẫn cái mới, hay nói đúng hơn, khó xác định được là cũ hay mới, loại này thường thấy trong những câu dự báo, cảnh báo:

(32) - *Lão ta ăn trộm đã thành tật. Bọn thêm một lần ăn trộm nữa cũng không sao.*

- *Ngộ họ lại căn cứ vào đấy bắt lão ta?*

(Lê Lựu, *Thời xa vắng*)

Hoặc là một liên tưởng bất ngờ đối với người nghe:

(33) *(Hai người đang ngồi nói chuyện bên bờ hồ)*

- *Anh biết bơi không?*

- *Không, nếu em rớt xuống hồ tôi sẽ làm tất cả để em được sống.*

(Trang Hạ, *Tình khúc*.)

Trong khi phân tích M1 cái cho sẵn chúng tôi xử lí M1 như một sự tình - thực thể nên mặc dù các yếu tố trong câu có thể phân tích thành các yếu tố nhỏ hơn với những sự phân biệt cũ/ mới (thí dụ như *em*, *hồ* là cái cho sẵn), chúng tôi vẫn xử lí M1 là cái mới vì toàn bộ thông tin *nếu em rớt xuống hồ* là cái thông tin mới, hoàn toàn bất ngờ đối với người nghe.

## 5. Kết luận

Trên đây chúng tôi đã trình bày và đưa ra các cứ liệu để chứng minh rằng cấu trúc điều kiện, nếu nhìn từ quan điểm thông báo, có một số M1 rõ ràng là *cái cho sẵn*. Phần trình bày ở trên cho thấy: Đa số các câu điều kiện có M1 là cái cho sẵn nhưng vẫn tồn tại những trường hợp nó là cái mới. Quan điểm này phù hợp với quan điểm của Sweetser, Akatsuko, En Ju Noh. Tuy vậy, việc M1 có thể là cái cho sẵn đã góp phần giải thích vì sao trong câu điều kiện M1 luôn đứng trước M2. Trật tự này cũ - mới này là trật tự mà người nói thường có xu hướng chọn lựa: cái cho sẵn, cái cũ thường được nêu lên trước làm xuất phát điểm cho sự nhận định, cái mới được nêu ra sau đó. Đó là một cách tổ chức thông tin thuận tiện và giản dị, thông tin mà người nói muốn truyền đạt để chuyển tới người nhận vì nó đặt thông tin mới

trong một ngữ cảnh thông tin được thừa nhận là quen thuộc.

Comrie cũng có một gợi ý rằng nếu áp dụng trật tự cái cho sẵn - cái mới của cấu trúc thông báo vào việc nghiên cứu câu điều kiện có thể đi đến nhận định rằng trật tự không được đánh dấu *If M1, M2* là do cái cho sẵn của M1, có nghĩa là *If M1/M2* (cái cho sẵn/ cái mới).

Cách lí giải trật tự M1 và M2 trong câu điều kiện là trật tự cũ mới sẽ thuyết phục hơn quan điểm (tiêu biểu là Haiman và Schiffrin) cho rằng ở câu điều kiện, M1 trong bất cứ trường hợp nào cũng là cái cho sẵn.

Theo Haiman và Schiffrin, *cái cho sẵn* trong câu điều kiện phải được hiểu theo một cách khác hơn. *Cái cho sẵn* này chỉ được xét ở khía cạnh hướng đến những gì được trình bày ở M2 và chỉ liên quan đến M2; và nếu xét theo hướng này thì tất cả M1 đều là *cái cho sẵn*. Trong bài *Conditionals are topic?*, Haiman lập luận rằng trong một phát ngôn điều kiện, khi M1 được phát ra, nếu nó không bị người nghe phản đối ngay lúc nói thì nó cho người nói cái quyền được tiếp tục với mệnh đề chính. Như vậy, vào thời điểm M1 được đưa ra, cả người nói lẫn người nghe chia sẻ cái khung quy chiếu giống nhau, do đó chúng được lưu giữ trong óc người nghe như là cái khung quy chiếu cho mệnh đề M2 theo sau. Đối với Haiman, một thực thể hay một mệnh đề có thể là *cái cho sẵn* ngay cả khi nó chưa được khẳng định thông qua diễn ngôn trước đó. Nó là cái cho sẵn chỉ vì người nói muốn xử lí nó

như thế. Điều này có nghĩa là cái cho sẵn có thể độc lập với quá trình diễn ngôn và rằng bất kể điều gì cũng có thể trở thành cái cho sẵn ở thời điểm biểu hiện nó trong diễn ngôn.

D. Shiffrin [5] cũng ủng hộ ý kiến của Haiman. Bà khẳng định ngay cả cú *if* chưa được thiết lập như thông tin cũ trước phát ngôn của nó, nó cũng trở thành thông tin cũ vào thời điểm phát ngôn. Đứng dưới góc nhìn diễn ngôn, Shiffrin cho rằng mệnh đề điều kiện luôn luôn đứng trước, mệnh đề kết quả luôn luôn đứng sau trong các phổ quát ngôn ngữ học (đã từng được Greenberg khẳng định) vì nó tuân theo nguyên tắc chính về tổ chức diễn ngôn: nó là chủ đề và là cái cho sẵn. Như vậy theo quan điểm của Haiman và của cả Shiffrin, cấu trúc thông báo của câu điều kiện bao gồm 2 phần: phần Đề (M1) - cái cho sẵn, phần Thuyết - cái mới

Quan điểm tất cả M1 trong câu điều kiện là cái cho sẵn cùng với quan niệm M1 là chủ đề (Haiman theo cách tiếp cận đồng nhất cấu trúc đề thuyết với cấu trúc thông báo của câu) nói trên là một vấn đề gây tranh cãi không ít trong giới ngôn ngữ học. Với những M1 mà chúng tôi cho rằng M1 cho sẵn, theo Haiman là những “chủ đề lặp”, còn những M1 không có quan hệ gì với văn bản trước đó (mà chúng tôi cho là cái mới), Haiman cho đó là những “chủ đề tương phản”. Theo Haiman, sở dĩ chúng có tính tương phản là vì chúng được chọn lựa từ trong những điều kiện khác nhau. Haiman cho rằng chủ đề nói chung và các mệnh đề điều kiện nói riêng

thường được tuyển chọn từ một danh sách vô hạn tiềm tàng, và tương phản ngầm ẩn với những thành viên khác của danh sách này, mà cơ sở lựa chọn của nó thuộc những nguyên tắc quan yếu ngoài ngôn ngữ học. Và chủ đề lặp lại hay tương phản đều là cái cho sẵn vì người ta không dẫn nhập một cái gì vào câu nói mà căn cước của nó chưa được người nghe biết đến.<sup>2</sup>

Cao Xuân Hạo trong *Tiếng Việt sơ thảo... cũng cho M1 trong câu điều kiện tiếng Việt là “chủ đề”* (hay nói chính xác hơn là “khung đề”), nhưng “chủ đề” đó là đề (topic) thuộc cấu trúc cú pháp của câu chứ không phải đề trong cấu trúc thông báo như quan điểm của Haiman.

Vì có những vấn đề liên quan đến quan điểm câu điều kiện là chủ đề nên vấn đề cái cho sẵn nói riêng và cấu trúc thông báo của câu điều kiện nói chung vẫn là một vấn đề còn đang để mở.

### CHÚ THÍCH

<sup>1</sup> Sweetser chia câu điều kiện làm 3 loại: *Câu điều kiện nội dung, câu điều kiện nhận thức và câu điều kiện hành động ngôn từ.*

<sup>2</sup> *Quan điểm này của ông áp dụng cho cả chủ đề nói chung:*

#### 1. Chủ đề lặp lại:

a. *Bill likes to go to any movie.*

b. *(speaking of Bill) He could see Casablanca forever.*

#### 2. Chủ đề tương phản:

a. *Ann likes to go to any movies.*

b. *(but as for Bill) Bill only likes old movies.*

*Bill trong (2b) theo nhiều nhà ngữ học (Kuno, Akatsuko) là thông tin mới vì Bill là chủ đề tương phản; còn Haiman cho rằng Bill vẫn là cái cho sẵn bởi vì người ta không thể nói đến một điều mà người ta đoán rằng người nghe không biết đến căn cước của nó. Có nghĩa là người nói sẽ không đề cập đến Bill khi người nghe không biết Bill là ai.*

### NGŨ LIỆU TRÍCH DẪN

1. Lê Lựu, *Thời xa vắng*, Nxb Hội Nhà văn, 1998.

2. Nguyễn Thị Ngọc Tú, *Buổi chiều tóa hương*, Nxb HN, 1999.

3. Trang Hạ, *Tình khúc*, Nxb Trẻ, 1995.

4. Lan Khai, *Văn xuôi lãng mạn Việt Nam*, Nxb KHXH, 1990.

5. Nguyễn Huy Thiệp, *Tuyển tập truyện ngắn*, Nxb VHNT, 2000.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Akatsuka Noriko, *Conditionals are discourse-bound*, In Traugott et al, *On conditionals*, Cambridge University Press, Cambridge, 1986.

2. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Quyển 1, Nxb KHXH, 1991.

3. Chafe W.L., *Subject and topic*, Academic Press, New York, 1976.

4. Comrie Bernard, *Conditionals: a typology*, In Traugott et al, *On conditionals*, Cambridge University Press, Cambridge, 1986.

5. Deborah Schiffrin, *Conditionals as topics in discourse*, Linguistic 30, 1990.

6. Eun Ju Noh, *A relevance theoretic account of metarepresentative uses in conditionals*, UCL Working paper in linguistics 8, 1996.

7. Fauconnier Gilles, *Mental space*, The MIT press, Cambridge, 1985.

8. Haiman John, *Conditionals are Topics*, Language 46, 1978.

9. Halliday Mak, *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, (Hoàng Văn Vân dịch), Nxb ĐHQG HN, 1998.

10. Kuno Susumu, *The structure of the Japanese language*, The MIT Press, 1973.

11. Nguyễn Thiện Giáp, *Dụng học Việt ngữ*, Nxb ĐHQG HN, 2000.

12. Prince E, *Towards a taxonomy of give-new information*, In Cole R. (eds.) *Radical Pragmatics*, Academic Press, London, 223-255, 1981.

13. Sweetser Eve, *From Etymology to Pragmatics*, Cambridge U.P, Cambridge, 1990.

#### SUMMARY

"Givenness" is a term used to analyze sentences with respect to information structure. It is a pragmatic notion.

In the paper, "givenness" is applied to investigate specific representations of antecedents of Vietnamese conditional sentences. The 'given antecedents' (Eun Ju Noh) or 'given clause' (Haiman) are defined by context and knowledge which is shared between the speakers and the addressees. The antecedents are followed by the posterior clauses in the preferred order 'givenness - news' of Vietnamese conditional sentences.